TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2018
V/v ly hôn giữa bà M và ông Q.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thiện.
2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 738/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về *việc"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: 76 đường 23 khu vực 4 khu nâng cấp đô thị, phường A, quận N, thành phố C.

* *Bị đơn*: Ông **Khiếu Xuân Q**, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: 76 đường 23 khu vực 4 khu nâng cấp đô thị, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Khiếu Xuân Q chung sống với nhau từ năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh H (cũ) vào ngày 01-9-1981. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con, ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Khiếu Thị Vân Anh (nữ) sinh ngày 23/7/1982 và cháu Khiếu Thị Bích Vân (nữ) sinh ngày 10/3/1990. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác định không có.

* Bị đơn ông Khiếu Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Q thường vắng nhà nên không thể tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án đã lập biên bản không tống đạt được và tiến hành làm thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với ông Q nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông Q được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Khiếu Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp: Ông Q, bà M tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh H (cũ) vào ngày 01-9-1981 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp, khi có tranh chấp sẽ do Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh và do ông Q có địa chỉ Hộ khẩu thường trú tại địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Về hôn nhân: Ông Q và bà M tự nguyện đi đến hôn nhân, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Q thường chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con. Ông bà đã có thời gian dài sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Q không đến điều đó chứng tỏ ông

Q không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà M và ông Q đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có và do xét xử vắng mặt ông Q nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Khiếu Xuân Q.

2. *Về con chung*: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 003863 ngày 18-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bà M không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
-UBND phường A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Tuyết Phương